

**ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ TRÊN TPBANK BIZ**

Số hiệu văn bản: 906/2023/QĐ-TPB.CB

Ngày hiệu lực: 19/08/2023

**1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

- 1.1. **TPBank:** Là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong.
- 1.2. **Khách Hàng:** Là tổ chức đã đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng số Doanh nghiệp của TPBank và đáp ứng các điều kiện đăng ký sử dụng Giao Dịch Chứng Từ Số trên TPBank Biz theo quy định của TPBank.
- 1.3. **Ngân Hàng Số Doanh Nghiệp:** Là một dịch vụ ngân hàng tạo điều kiện cho Khách Hàng tổ chức sử dụng hầu hết mọi sản phẩm của TPBank ở bất cứ đâu, vào bất cứ lúc nào thông qua kết nối Internet.
- 1.4. **Giao Dịch Điện Tử:** Là giao dịch giữa Khách Hàng và TPBank trong hoạt động dịch vụ ngân hàng do TPBank cung cấp, được thực hiện thông qua Phương Tiện Điện Tử.
- 1.5. **Phương Tiện Điện Tử:** Là phần cứng, thiết bị số, phần mềm, hệ thống thông tin hoặc phương tiện khác hoạt động dựa trên công nghệ thông tin, công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện tử hoặc công nghệ tương tự khác.
- 1.6. **Hệ Thống Ngân Hàng Số Doanh Nghiệp Của TPBank (TPBank Biz/Hệ Thống TPBank Biz):** Là Phương Tiện Điện Tử do TPBank tạo ra, hoạt động trực tuyến nhằm cung cấp các dịch vụ ngân hàng dành cho Khách Hàng tổ chức bằng việc sử dụng công nghệ số và thuật toán điện tử.
- 1.7. **Thông điệp Dữ Liệu:** Là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng Phương Tiện Điện Tử. Thông điệp Dữ Liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, Chứng Từ Điện Tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác.
- 1.8. **User:** Là Cá nhân được Khách Hàng ủy quyền bằng văn bản thay mặt cho Khách Hàng trực tiếp thực hiện các yêu cầu sử dụng dịch vụ Ngân hàng số với TPBank thông qua hệ thống TPBank Biz.
- 1.9. **OTP (One Time Password):** Là mã khóa bí mật 01 lần được sinh ra từ các Phương Thức Xác Thực, được sử dụng trong quá trình thực hiện các giao dịch trên TPBank Biz nhằm đảm bảo an toàn và bảo mật cho tài khoản và giao dịch của KH. Mỗi mã khóa bí mật có giá trị sử dụng 1 lần duy nhất.
- 1.10. **Phương Thức Xác Thực:** Là cách thức TPBank sử dụng để chứng minh danh tính và xác nhận sự chấp thuận thực hiện giao dịch của người sử dụng dịch vụ trên TPBank Biz. Các Phương Thức Xác Thực được TPBank sử dụng bao gồm:
  - OTP-SMS: Khi thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến, TPBank sẽ gửi tin nhắn SMS có chứa mã OTP tới số điện thoại di động KH đã đăng ký trước với TPBank.
  - Smart OTP: Là phần mềm cung cấp mã OTP được cài đặt và tích hợp trên ứng dụng TPBank Biz đã đăng ký với TPBank và gắn duy nhất với Tài Khoản Đăng Nhập TPBank Biz của KH trên thiết bị di động. Mã OTP được sinh ngẫu nhiên theo thời gian, đồng bộ với hệ thống thanh toán trực tuyến của TPBank. Khi thực hiện giao dịch thanh toán, TPBank yêu cầu KH nhập mã OTP được sinh bởi Smart OTP để hoàn thành giao dịch. Mỗi mã OTP có giá trị trong 1 khoảng thời gian nhất định.
  - eToken: là phần mềm cung cấp mã OTP được cài đặt trên thiết bị di động KH đã đăng ký với TPBank và gắn duy nhất với tài khoản đăng nhập TPBank Biz của KH. Mã OTP được sinh ngẫu nhiên theo thời gian, đồng bộ với hệ thống thanh toán trực tuyến của TPBank. Khi thực hiện giao dịch thanh toán, TPBank yêu cầu KH nhập mã OTP được sinh bởi eToken để hoàn thành giao dịch. Mỗi mã OTP có giá trị trong 1 khoảng thời gian nhất định.
  - Hard Token (bao gồm Token key, Token card..): Là thiết bị tạo mã OTP. Mã OTP được sinh ngẫu nhiên theo thời gian, đồng bộ với hệ thống thanh toán trực tuyến tại TPBank. Khi thực hiện giao dịch thanh toán, TPBank yêu cầu KH nhập mã OTP được sinh bởi Hard token để hoàn thành giao dịch. Mỗi mã OTP có giá trị trong 1 khoảng thời gian nhất định.

- Hard Token nâng cao: Là thiết bị tạo mã OTP. Mã OTP được sinh ra sau chức năng xác thực bằng mã giao dịch, mã giao dịch này là dãy số ngẫu nhiên do TPBank cung cấp khi KH truy cập vào hệ thống eBank. Khi thực hiện giao dịch thanh toán, TPBank yêu cầu KH nhập mã OTP được sinh bởi Hardtoken nâng cao để hoàn thành giao dịch. Mỗi mã OTP có giá trị trong 1 khoảng thời gian nhất định.
  - Chữ ký số: Là một dạng Chữ Ký Điện Tử được tạo ra bằng sự biến đổi một Thông điệp Dữ Liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng, theo đó người có được Thông điệp Dữ Liệu ban đầu và khóa công khai của người ký có thể xác định được chính xác:
    - Việc biến đổi nêu trên được tạo ra bằng đúng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trong cùng một cặp khóa và;
    - Sự toàn vẹn nội dung của Thông điệp Dữ Liệu kể từ khi thực hiện việc biến đổi nêu trên Chữ ký số được dùng để xác thực giao dịch. Khi thực hiện giao dịch, TPBank yêu cầu KH cầm chữ ký số do Nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp cho Khách Hàng theo quy định của pháp luật, khớp với chữ ký số đã đăng ký với TPBank và nhập mã PIN chữ ký số để xác thực hoàn thành giao dịch.
  - Phương Thức Xác Thực khác được TPBank phát triển từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật.
- 1.11. **Chữ Ký Điện Tử:** Là chữ ký được tạo lập dưới dạng từ, chữ, số, ký hiệu, âm thanh hoặc các hình thức khác bằng Phương Tiện Điện Tử, gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gíc với Thông điệp Dữ Liệu, có khả năng xác nhận người ký Thông điệp Dữ Liệu và xác nhận sự chấp thuận của người đó đối với nội dung Thông điệp Dữ Liệu được ký.  
Chữ Ký Điện Tử dùng để ký Chứng Từ Điện Tử trong Giao Dịch Chứng Từ Số giữa Khách Hàng và TPBank trên TPBank Biz là Chữ Ký Điện Tử do TPBank phát triển trên nền tảng của nhà cung cấp là Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT) - nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số đủ năng lực và đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng trong các hoạt động công cộng, đảm bảo xác định danh tính của người ký, đảm bảo đáp ứng các điều kiện bảo đảm an toàn và giá trị pháp lý theo quy định pháp luật.
- 1.12. **Chứng Từ Điện Tử:** Là hợp đồng, đề nghị, thông báo, xác nhận hoặc các tài liệu khác ở dạng Thông điệp Dữ Liệu, được gắn Chữ Ký Điện Tử của Người Có Thẩm Quyền Ký Đại Diện Khách Hàng và/hoặc Người Có Thẩm Quyền Ký Kế Toán Trưởng, được trao đổi, truyền nhận qua hệ thống TPBank Biz. Chứng Từ Điện Tử bao gồm Chứng Từ Giao Dịch và Chứng Từ Đi Kèm.
- 1.13. **Chứng Từ Giao Dịch:** Là Đề nghị/ Hợp đồng Khách Hàng ký kết với TPBank và/hoặc Văn bản Khách Hàng chỉ thị, cam kết...với TPBank trong quá trình sử dụng sản phẩm/dịch vụ ngân hàng của TPBank.
- 1.14. **Chứng Từ Đi Kèm:** Là Chứng Từ Đi Kèm theo Chứng Từ Giao Dịch, nhằm chứng minh hoặc đảm bảo cho mục đích lập Chứng Từ Giao Dịch của Khách Hàng khi đề nghị sử dụng sản phẩm/dịch vụ của TPBank. Chứng Từ Đi Kèm có thể là bản điện tử có sẵn của Khách Hàng hoặc là bản scan từ bản giấy chứng từ gốc.
- 1.15. **Người Có Thẩm Quyền Ký Đại Diện Khách Hàng (Người Ký Đại Diện Khách Hàng):** Là Người đại diện theo pháp luật và/hoặc Người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền ký đại diện cho Khách Hàng trên các Chứng Từ Điện Tử liên quan đến Giao Dịch Tín dụng của Khách Hàng trên TPBank Biz.
- 1.16. **Người Có Thẩm Quyền Ký Kế Toán Trưởng (Người Ký Kế Toán Trưởng):** Là Kế Toán Trưởng/Phụ trách kế toán có thẩm quyền ký trên các Chứng Từ Điện Tử liên quan đến Giao Dịch Tín Dụng của Khách Hàng trên TPBank Biz trong trường hợp Khách Hàng có nhu cầu 02 (hai) cấp ký duyệt, Người Ký Đại diện Khách Hàng là cấp ký duyệt cuối cùng
- 1.17. **Giao Dịch Chứng Từ Số:** Là Giao Dịch Điện Tử giữa Khách Hàng và TPBank trong hoạt động dịch vụ ngân hàng do TPBank cung cấp, theo đó Khách Hàng ký và gửi toàn bộ Chứng Từ Điện Tử đến TPBank thông qua Phương Tiện Điện Tử là hệ thống TPBank Biz tương đương với việc gửi toàn bộ chứng từ giấy đến TPBank qua kênh quầy và TPBank thực hiện cung cấp dịch vụ cho Khách Hàng căn cứ trên các Chứng Từ Điện Tử này.

- 1.18. **Chữ Ký Tươi:** Là chữ ký của chính người ký trực tiếp trên văn bản được tạo ra bởi bút trên văn bản giấy, không phải chữ ký dấu, chữ ký khắc sẵn.
- 1.19. **Người Dùng - Người Ký Đại Diện Khách Hàng:** Là User được phân quyền trên hệ thống để ký Chữ Ký Điện Tử của Người Có Thẩm Quyền Ký Đại Diện Khách Hàng trong Giao dịch Chứng từ số .
- 1.20. **Người Dùng – Người Ký Kế Toán Trưởng:** là User được phân quyền trên hệ thống để ký Chữ Ký Điện Tử của Người Có Thẩm Quyền Ký Kế Toán Trưởng trong Giao dịch Chứng từ số
- 1.21. **Người Dùng:** là Người Dùng - Người Ký Đại Diện Khách Hàng hoặc Người Dùng – Người Ký Kế Toán Trưởng
- 1.22. **Điều Kiện và Điều Khoản Ngân Hàng Số:** Là Điều kiện và Điều khoản sử dụng Ngân Hàng Số Doanh Nghiệp của TPBank.
- 1.23. **Điều Kiện Và Điều Khoản Chữ Ký Điện Tử:** Là Điều kiện và Điều khoản sử dụng Chữ Ký Điện Tử trên TPBank Biz này – Điều kiện và Điều khoản sử dụng Chữ Ký Điện Tử do TPBank phát triển dành cho Khách Hàng và Người Dùng của Khách Hàng trên TPBank Biz.

## 2. ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG, CẤP CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ

- 2.1. Phạm vi sử dụng: Chữ Ký Điện Tử được Người Dùng – Người ký Kế Toán Trưởng sử dụng để kiểm soát Chứng từ điện tử trước khi chuyển chứng từ đến Người Dùng - Người Ký Đại Diện Khách Hàng sử dụng để đại diện Khách Hàng ký Chứng Từ Điện Tử của các Giao Dịch Chứng Từ Số trên TPBank Biz để giao dịch với TPBank.
- 2.2. Để sử dụng Chữ Ký Điện Tử, Khách Hàng và Người Dùng thực hiện các bước như sau:
  - Bước 1. Khách Hàng đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng số (nếu trước đó chưa đăng ký) hoặc đề nghị thay đổi đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng số (nếu trước đó đã đăng ký), trong đó đăng ký User để truy cập vào TPBank Biz cho Người có thẩm quyền ký Đại diện Khách Hàng, Người có thẩm quyền ký Kế Toán Trưởng.
  - Bước 2. Khách Hàng đăng ký cấp Chữ Ký Điện Tử cho Người Dùng tại Đề nghị sử dụng Giao Dịch Chứng Từ Số trên TPBank Biz kèm đề nghị cấp Chữ Ký Điện Tử.
  - Bước 3. Sau khi Khách Hàng hoàn tất các thủ tục đăng ký dịch vụ Ngân Hàng Số Doanh Nghiệp, đăng ký cấp Chữ Ký Điện Tử cho Người Dùng gửi đến TPBank và được TPBank phê duyệt; Người Dùng được Khách Hàng đăng ký cấp Chữ Ký Điện Tử ở Bước 2 sẽ nhận được thông báo của TPBank gửi đến email đăng ký của Người Dùng, thông báo Người Dùng đó vào TPBank Biz để xác nhận thông tin Chữ Ký Điện Tử do TPBank cấp cho Người Dùng.
  - Bước 4. Người Dùng đăng nhập vào TPBank Biz để kiểm tra thông tin Chữ Ký Điện Tử đã khớp đúng so với thông tin đã đăng ký trước đó và đọc Điều Kiện Và Điều Khoản Chữ Ký Điện Tử.
  - Bước 5. Nếu thông tin đã khớp đúng, Người Dùng xác nhận đồng ý với Chữ Ký Điện Tử được cấp và chấp thuận Điều Kiện Và Điều Khoản Chữ Ký Điện Tử của TPBank bằng cách nhập OTP được gửi đến Phương Thức Xác Thực Người Dùng đang sử dụng dịch vụ Ngân Hàng Số Doanh Nghiệp.
  - Bước 6. Sau khi xác thực thành công, Chữ Ký Điện Tử bắt đầu có hiệu lực để Người Dùng ký trên các Chứng Từ Điện Tử của Giao Dịch Chứng Từ Số với TPBank trên hệ thống TPBank Biz.
- 2.3. Thông tin đăng ký cấp Chữ Ký Điện Tử: theo các thông tin cá nhân của Người Dùng mà Khách Hàng đã đăng ký thông tin sử dụng Ngân Hàng Số Doanh Nghiệp, bao gồm: Họ tên, Địa chỉ, Chức danh, Số CMTND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, email tại Đề nghị kèm Hợp đồng sử dụng dịch vụ Ngân hàng số dành cho Khách Hàng tổ chức hoặc Đề nghị kèm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ đi kèm dành cho Khách Hàng tổ chức.

- 2.4. Khách Hàng có thể đăng ký cấp mới hoặc đề nghị thu hồi Chữ Ký Điện Tử cho một hoặc nhiều Người Dùng.
- 2.5. Trường hợp Khách Hàng cần thay đổi thông tin liên quan đến Chữ Ký Điện Tử đã cấp cho Người Dùng hoặc thu hồi Chữ Ký Điện Tử của Người Dùng, Khách Hàng gửi Yêu cầu trợ giúp dịch vụ Ngân Hàng Số Doanh Nghiệp dành cho Khách Hàng tổ chức, theo đó đề nghị TPBank thu hồi Chữ Ký Điện Tử đã cấp cho Người Dùng với thông tin cũ và đề nghị cấp mới Chữ Ký Điện Tử theo thông tin mới của Người Dùng tại Đề nghị sử dụng Giao Dịch Chứng Từ Số trên TPBank Biz kèm đề nghị cấp Chữ Ký Điện Tử.
- 2.6. Chữ Ký Điện Tử của Người Dùng khi hết hạn hiệu lực sẽ cần được đăng ký cấp lại mới từ đầu theo quy định của TPBank để được sử dụng tiếp.

### 3. ĐẶC ĐIỂM CỦA CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ

- 3.1. Chữ Ký Điện Tử cho phép xác định được thông tin người ký, bao gồm:
  - a. Họ Tên đầy đủ và chức danh;
  - b. Số chứng minh nhân dân/ căn cước công dân/hộ chiếu;
  - c. Thời hạn có hiệu lực của Chữ Ký Điện Tử: theo quy định của TPBank từng thời kỳ;
  - d. Khóa công khai;
  - e. Các hạn chế về mục đích, phạm vi sử dụng của Chữ Ký Điện Tử.
- 3.2. Chữ Ký Điện Tử bao gồm khóa công khai và khóa bí mật, theo đó:
  - a. Khóa công khai được gắn liền với Chữ Ký Điện Tử
  - b. Khóa bí mật tương ứng với từng Chữ Ký Điện Tử được lưu giữ tập trung trên thiết bị lưu khóa bí mật (HSM), để truy cập khóa bí mật của mình, người ký phải cung cấp mật khẩu/OTP tương ứng để thực hiện ký.

### 4. GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CỦA CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ

- 4.1. Chữ Ký Điện Tử đáp ứng các điều kiện bảo đảm an toàn theo quy định pháp luật và việc sử dụng Chữ Ký Điện Tử để ký trên Chứng Từ Điện Tử làm phát sinh giá trị pháp lý của Chứng Từ Điện Tử tương tự như việc ký bằng Chữ Ký Tươi trên văn bản giấy.
- 4.2. Các giao dịch được ký bởi Chữ Ký Điện Tử trên Chứng Từ Điện Tử theo nguyên tắc sử dụng nêu tại Điều kiện và Điều khoản Chữ Ký Điện Tử này được xác định có giá trị pháp lý ràng buộc trách nhiệm của Khách Hàng và TPBank đối với giao dịch.

### 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI DÙNG

#### 5.1. Quyền và nghĩa vụ của Người Dùng

- a. Được sử dụng Chữ Ký Điện Tử để ký trên các Chứng Từ Điện Tử của Khách Hàng trong Giao Dịch Chứng Từ Số với TPBank.
- b. Cung cấp thông tin cho TPBank một cách trung thực, chính xác nhằm mục đích thực hiện giao dịch.
- c. Thông báo ngay cho TPBank bằng văn bản khi phát hiện các thông tin về Chữ Ký Điện Tử bị lợi dụng, bị sử dụng trái phép, giả mạo để có các biện pháp xử lý.
- d. Đảm bảo sử dụng Chữ Ký Điện Tử đúng phạm vi sử dụng, đúng mục đích, đúng thẩm quyền, không được lợi dụng việc sử dụng Chữ Ký Điện Tử để thực hiện các công việc ngoài phạm vi sử dụng, không theo nguyên tắc sử dụng Chữ Ký Điện Tử tại Điều kiện Và Điều khoản Chữ Ký Điện Tử này.
- e. Chịu trách nhiệm trước Khách Hàng, trước TPBank và trước pháp luật đối với việc ký Chữ Ký Điện Tử lên Chứng Từ Điện Tử. Việc ký Chữ Ký Điện Tử lên Chứng Từ Điện Tử được Người Dùng xác nhận có giá trị tương tự Chữ Ký Tươi của Người Dùng trên bản giấy.
- f. Tuân thủ các quy định an toàn bảo mật thông tin và các quy định sau:
  - Không để lộ các thông tin về Chữ Ký Điện Tử, thiết bị phục vụ ký Chữ Ký Điện Tử, khóa bí mật để người khác lợi dụng.

- Không cho người khác sử dụng Chữ Ký Điện Tử của mình để ký thay.
  - Không thay đổi, xóa, hủy, sao chụp, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ Thông điệp Dữ Liệu, Chứng Từ Điện Tử đã được ký bởi Chữ Ký Điện Tử.
  - Có trách nhiệm quản lý Chữ Ký Điện Tử, các trang thiết bị tin học để phục vụ việc ký Chữ Ký Điện Tử, quản lý thông tin cá nhân Người Dùng trên phần mềm ký Chữ Ký Điện Tử.
  - Trong quá trình sử dụng, nếu Người Dùng làm mất thiết bị, gây lộ thông tin Chữ Ký Điện Tử mà để người khác lợi dụng hoặc can thiệp vào phần mềm của TPBank để tạo lập Chữ Ký Điện Tử giả mạo thì Người Dùng hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh đối với các giao dịch ký bởi Chữ Ký Điện Tử đã sử dụng để ký trên Chứng Từ Điện Tử.
- g. Đồng ý cho TPBank được quyền cung cấp thông tin của Người Dùng và các giao dịch liên quan đến Người Dùng theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, theo quy định của pháp luật hoặc cho bên thứ ba mà TPBank hợp tác trong quá trình triển khai cung cấp dịch vụ Chữ Ký Điện Tử đến Người Dùng.
- h. Trong quá trình sử dụng Chữ Ký Điện Tử, Người Dùng đồng ý nhận thư điện tử, tin nhắn, cuộc gọi với mục đích quảng cáo, thông báo sản phẩm dịch vụ và/hoặc bất kỳ thông tin nào khác từ TPBank.

## 5.2. Quyền và nghĩa vụ của Khách Hàng

- a. Cung cấp thông tin cho TPBank một cách trung thực, chính xác nhằm mục đích thực hiện giao dịch.
- b. Thông báo ngay cho TPBank bằng văn bản khi phát hiện các thông tin về Chữ Ký Điện Tử cấp cho Người Dùng bị lợi dụng, bị sử dụng trái phép, giả mạo để có các biện pháp xử lý.
- c. Đảm bảo các Người Dùng sử dụng Chữ Ký Điện Tử đúng phạm vi sử dụng, đúng mục đích, đúng thẩm quyền, không được lợi dụng việc sử dụng Chữ Ký Điện Tử để thực hiện các công việc ngoài phạm vi sử dụng, không theo nguyên tắc sử dụng Chữ Ký Điện Tử tại Điều kiện và Điều khoản Chữ Ký Điện Tử này.
- d. Trường hợp Khách Hàng thông báo một trong các Người Dùng không còn thẩm quyền ký Đại diện Khách Hàng theo quy định nội bộ của Khách Hàng, Khách Hàng cần đề nghị TPBank thu hồi Chữ Ký Điện Tử của Người Dùng. Chữ Ký Điện Tử của Người Dùng trên các Chứng Từ Điện Tử giao dịch với TPBank trước thời điểm TPBank thu hồi Chữ Ký Điện Tử của Người Dùng đó có giá trị pháp lý ràng buộc Khách Hàng và Khách Hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm với Chứng Từ Điện Tử được ký bởi Chữ Ký Điện Tử của bất kỳ Người Dùng nào.
- e. Xác nhận việc Người Dùng sử dụng Chữ Ký Điện Tử để ký trên Chứng Từ Điện Tử mà không cần ký chữ ký số hoặc có bất kỳ xác nhận nào khác của Khách Hàng là đại diện cho Khách Hàng, đảm bảo phù hợp với quy định nội bộ của Khách Hàng, chứng tỏ được sự chấp thuận của Khách Hàng đối với nội dung Thông điệp Dữ Liệu. Khách Hàng không phủ nhận giá trị pháp lý của Thông điệp Dữ Liệu được ký bởi Chữ Ký Điện Tử của Người Dùng trong bất kỳ trường hợp nào. Trong quá trình sử dụng, nếu Người Dùng làm lộ thông tin Chữ Ký Điện Tử hoặc bị tấn công mà để người khác lợi dụng hoặc can thiệp vào phần mềm của TPBank để tạo lập Chữ Ký Điện Tử giả mạo thì Khách Hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh đối với các giao dịch ký bởi Chữ Ký Điện Tử giả mạo đã sử dụng để ký trên Chứng Từ Điện Tử.



## **6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TPBANK**

### **6.1. Quyền của TPBank**

- a. TPBank được quyền tự động thu hồi Chữ Ký Điện Tử mà không cần thông báo cho Khách Hàng và/hoặc Người Dùng trong các trường hợp sau:
  - Khi Chữ Ký Điện Tử hết hạn sử dụng;
  - Chữ Ký Điện Tử có tên mạo danh hoặc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ;
  - Thông tin trong Chữ Ký Điện Tử sai khác so với thực tế;
  - Theo yêu cầu của Người Dùng trong các trường hợp: khóa bí mật bị lộ hoặc nghi bị lộ; thiết bị lưu khóa bí mật bị thất lạc hoặc các trường hợp mất an toàn khác;
  - Khi Chữ Ký Điện Tử bị sử dụng không đúng phạm vi theo quy định tại Điều kiện và điều khoản Chữ Ký Điện Tử này;
  - Các trường hợp bảo đảm an toàn, quản trị rủi ro do TPBank đánh giá.
- b. TPBank có quyền chấm dứt việc sử dụng Chữ Ký Điện Tử của Người Dùng nếu TPBank đánh giá Người Dùng thực hiện các hành vi sau:
  - Cản trở hoặc ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi, nhận Thông điệp Dữ Liệu được ký bởi Chữ Ký Điện Tử;
  - Thay đổi, xóa, hủy, giả mạo, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ Thông điệp Dữ Liệu được ký bởi Chữ Ký Điện Tử;
  - Tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại hệ thống điều hành hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại hạ tầng công nghệ để quản lý và sử dụng Chữ Ký Điện Tử;
  - Gian lận, giả mạo, chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép Chữ Ký Điện Tử.
- c. Các nguyên tắc sử dụng Chữ Ký Điện Tử tại Điều kiện Và Điều khoản Chữ Ký Điện Tử này có thể được TPBank chủ động sửa đổi, bổ sung căn cứ tình hình thực tế và phát triển hệ thống xác nhận điện tử của TPBank. TPBank sẽ chủ động thông báo các thay đổi, bổ sung này đến Khách Hàng và Người Dùng theo phương thức TPBank cho là phù hợp. Việc Người Dùng tiếp tục sử dụng Chữ Ký Điện Tử sau thời điểm thông báo được hiểu là Khách Hàng và Người Dùng đồng ý với các điều chỉnh của TPBank.

### **6.2. Nghĩa vụ của TPBank**

- a. Tiếp nhận, xử lý các yêu cầu liên quan đến cấp, thu hồi Chữ Ký Điện Tử.
- b. Cung cấp dịch vụ theo Điều kiện Và Điều khoản Chữ Ký Điện Tử này.

## **7. CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN TRÁCH**

- 7.1.** TPBank được miễn trách nhiệm do không thực hiện giao dịch trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin... bị trục trặc hoặc vì bất kỳ lý do nào khác ngoài tầm kiểm soát của TPBank.
- 7.2.** TPBank được miễn trách trong trường hợp Khách Hàng và/hoặc Người Dùng vi phạm việc sử dụng Chữ Ký Điện Tử theo Điều kiện và Điều khoản Chữ Ký Điện Tử này dẫn đến thiệt hại, rủi ro cho các giao dịch Khách Hàng thực hiện.